

Số: /KH-BCĐ

Đức Cơ, ngày tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tiếp nhận, bảo quản, phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 được phân bổ trên địa bàn huyện Đức Cơ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Kế hoạch số 112/KH - BCĐ ngày 26 tháng 02 năm 2022 của Ban thường trực - Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID- 19 tỉnh Gia Lai về việc phân phối và sử dụng vắc xin phòng COVID-19 đợt 127 và 128 Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương phân bổ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 huyện Đức Cơ phân bổ vắc xin đến Trạm Y tế các xã, thị trấn thực hiện trả Mũi 2 và tiêm Mũi 3 liều bổ sung, liều nhắc lại Theo hướng dẫn Công văn 10722 của Bộ Y tế.

II. MỤC TIÊU: Hoạt động tiêm chủng thực hiện theo Kế hoạch đã được Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 huyện Đức Cơ phê duyệt.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Vắc xin, đối tượng, phạm vi, thời gian, địa điểm triển khai:

1.1.Vắc xin: Theo Kế hoạch số 112/KH-BCĐ ngày 26 tháng 02 năm 2022 của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Gia Lai.

Vắc xin (AstraZeneca): Nhận 2.000 liều (Lô PW40211, HSD 30/4/2022).

Vắc xin (Moderna): Nhận 2.356 liều bổ sung, liều nhắc lại tương đương 110 lọ (Lô 021K21A, HSD 25/5/2022).

- Vắc xin phân bổ đến 10 Trạm Y tế các xã, thị trấn (theo phụ lục I kèm theo).

1.2. Đối tượng triển khai:

- **Tiêm Mũi 1:** Tiếp tục rà soát tiêm người trên 18 tuổi chưa tiêm mũi nào.

- **Trả Mũi 2:** Cho người đã tiêm mũi 1 vắc xin AstraZeneca, PfiZer và Moderna trên 4 tuần.

- **Tiêm Mũi 3:**

+ **Liều tiêm bổ sung:** Khoảng cách từ 28 ngày đến 3 tháng.

+ **Liều nhắc lại:** Khoảng cách từ 3 tháng đến 6 tháng sau mũi cuối cùng của liều cơ bản.

- **Đối với vắc xin Moderna** thực hiện theo Công văn số 508/BYT- DP của Bộ Y tế ngày 28/01/2022 về việc tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều cơ bản và liều nhắc lại.

+ **Liều lượng vắc xin tiêm bổ sung: 0.5ml.**

+ **Liều lượng vắc xin tiêm nhắc lại: 0.25ml**, khoảng cách theo hướng dẫn tại Công văn số 10722 của Bộ Y tế.

- Trạm Y tế các xã, thị trấn thực hiện theo danh sách đối tượng của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 các xã, thị trấn cung cấp.

1.3. Phạm vi triển khai: 10/10 xã, thị trấn.

1.4. Thời gian, địa điểm:

- Thời gian: Triển khai kết thúc trước ngày **05/3/2022**.

- Địa điểm tiêm: Tại trạm Y tế các xã, thị trấn.

2. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, phân phối vắc xin, vật tư: Theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Tập huấn cho cán bộ y tế về triển khai vắc xin phòng COVID-19: Cán bộ tham gia tiêm chủng đã được tập huấn.

4. Truyền thông về triển khai vắc xin phòng COVID-19: Thời gian thực hiện trước, trong và sau khi triển khai tiêm chủng.

5. Tổ chức tiêm chủng

5.1. Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại địa phương:

Thực hiện các quy trình lập kế hoạch, tổ chức tiêm chủng, theo dõi sau tiêm, ứng dụng CNTT theo các hướng dẫn của Trung tâm Y tế và Tiểu ban Ứng dụng CNTT và Truyền thông của Ban chỉ đạo tiêm chủng huyện Đức Cơ.

5.2. Đơn vị tổ chức tiêm chủng: Đảm bảo an toàn trong tiêm chủng và hạn chế các sự cố trong tiêm chủng.

6. Kế hoạch buổi tiêm chủng: Đảm bảo trong phòng, chống dịch COVID-19 các đơn vị bố trí theo khung giờ hạn chế đông người tại buổi tiêm.

*** Lưu ý:** *Lập danh sách theo biểu mẫu do Bộ Y tế ban hành và điền các nội dung, thông tin cá nhân vào phiếu trước khi tiêm và được sự đồng ý của người được tiêm.*

7. Công tác đảm bảo tiêm chủng

- Đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch
- Giám sát điểm tiêm chủng
- Quản lý bơm kim tiêm và rác thải y tế sau buổi tiêm
- Hàng ngày báo cáo kết quả triển khai tiêm chủng và phản ứng sau tiêm về Trung tâm Y tế huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trung tâm Y tế huyện:

- Thực hiện tiếp nhận, bảo quản, phân phối vắc xin đúng theo quy định.
- Cử 01 bác sỹ khoa KSBT – HIV/AIDS hỗ trợ trạm Y tế thị trấn trong đợt tiêm chủng.
- Thành lập đội cấp cứu, phản ứng nhanh để xử lý tình huống trong quá trình tiêm.
- Báo cáo hàng ngày kết quả triển khai tiêm vắc xin COVID-19 trước 15h30 về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

2. Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện: Phối hợp với Trung tâm

Y tế, UBND các xã, thị trấn tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe về Kế hoạch sử dụng vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn huyện. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác truyền thông tại các xã, thị trấn.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Chỉ đạo Trạm Y tế chuẩn bị tốt các điều kiện cơ sở vật chất liên quan phục vụ quá trình tiêm chủng.
- Có trách nhiệm thông báo và lập danh sách, điền đầy đủ các thông tin theo biểu mẫu.
- Cử cán bộ đoàn thanh niên mỗi xã 05 – 07 cán bộ đã được tập huấn về nhập liệu tham gia cùng đội tiêm tại Trạm Y tế nhập liệu lên phần **“Hồ sơ sức khỏe”** theo hình thức online trong quá trình tiêm vắc xin tại Trạm Y tế các xã, thị trấn.
- Phân công cán bộ tham gia hướng dẫn người tiêm chủng điền các phiếu tiêm, thực hiện 5K tại buổi tiêm chủng.
- Chỉ đạo cán bộ văn hóa tuyên truyền về lợi ích tiêm vắc xin phòng COVID-19, các phản ứng bất lợi sau tiêm chủng trên hệ thống Đài truyền thanh.

4. Trạm Y tế các xã, thị trấn:

- Xếp lịch tiêm, thông báo hẹn ngày, giờ tiêm; triển khai tiêm chủng phải quản lý **đối tượng tiêm trên phần “Hồ sơ sức khỏe”**.
- Tiếp nhận danh sách đối tượng tiêm.
- Báo cáo hàng ngày kết quả triển khai tiêm vắc xin COVID-19 trước 15h00 về Trung tâm Y tế huyện.

Trên đây là Kế hoạch tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn huyện Đức Cơ. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 huyện Đức Cơ yêu cầu Trung tâm Y tế huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh (báo cáo);
- TTKSBT tỉnh (báo cáo);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- BCĐ PC dịch Covid- 19 huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, BCĐ.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Siu Luynh**

Phụ lục I
PHÂN PHỐI VẮC XIN TIÊM PHÒNG COVID – 19

TT	Địa phương	Đối tượng trên 18 tuổi	AstraZeneca		Moderna		Nhu cầu BKT		Hộp an toàn
			Số liều	Số lọ	Số liều	Số lọ	1ml	0.3ml	
1	Ia Dom	4.945	200	25	168	12	270	196	5
2	Ia Nan	4.934	200	25	154	11	270	168	4
3	Ia Pnôn	2.700	128	16	112	8	183	114	3
4	Ia Kla	4.242	176	22	140	10	246	140	4
5	Ia Kriêng	2.912	136	17	112	8	191	114	3
6	Ia Krêl	4.700	200	25	154	11	270	168	4
7	Ia Din	4.599	160	20	140	10	230	140	4
8	Ia Lang	2.586	128	16	98	7	181	90	3
9	Ia Dok	4.800	160	20	140	10	230	140	4
10	TT Chư Ty	8.800	512	64	322	23	652	363	10
Tổng cộng		45.218	2.000	250	1.540	110	2.723	1.633	44

